

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh
và phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật, cấp mã
đối với Nha khoa Yota thuộc Hộ kinh doanh Nha khoa Yota**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BYT ngày 26/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật;

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc sửa đổi Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Biên bản Đoàn thẩm định cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của Sở Y tế tại Nha khoa Yota thuộc Hộ kinh doanh Nha khoa Yota ngày 20/8/2026; Hồ sơ đề nghị cấp mới Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh (Mã hồ sơ: H55.10-260710-180026);

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp 01 giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh (Chi tiết kèm theo phụ lục 1). Mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: **19275**.

Điều 2. Nha khoa Yota thuộc Hộ kinh doanh Nha khoa Yota được thực hiện 81 kỹ thuật chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 23/2024/TT-BYT (Chi tiết kèm theo phụ lục 2). Nha khoa Yota thuộc Hộ kinh doanh Nha khoa Yota phải thực hiện đúng phạm vi chuyên môn, quy trình kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế trong khám bệnh, chữa bệnh để đảm bảo an toàn sức khỏe cho người bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các ông/bà: Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Nghiệp vụ Y, Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Sở Y tế và chủ cơ sở tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 4 (T/hiện);
- Đ/c Giám đốc SYT (đề b/c);
- BP tiếp nhận và trả KQ TTHC;
- Website SYT;
- Lưu: VT, NVY (nghĩaht).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Tiêu Thị Vân Hạnh

Phụ lục 1:

DANH SÁCH CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
(Kèm theo Quyết định số 1976/QĐ-SYT ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên)

TT	Tên cơ sở	Hình thức tổ chức	Địa điểm hoạt động	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian làm việc hằng ngày	Số GPHĐ	Loại cấp
1	NHA KHOA YOTA THUỘC HỘ KINH DOANH NHA KHOA YOTA	Phòng khám răng hàm mặt	Tổ dân phố Trường Thịnh, phường Vạn Xuân, tỉnh Thái Nguyên	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn được Giám đốc Sở Y tế phê duyệt ban hành kèm theo Giấy phép hoạt động	Từ 8h00 đến 17h00 (Thứ 2 đến thứ 6)	1334	Cấp mới
		Tổng số: 01 cơ sở					

Phụ lục 2:

**DANH MỤC KỸ THUẬT ĐƯỢC PHÉP THỰC HIỆN TẠI
NHA KHOA YOTA THUỘC HỘ KINH DOANH NHA KHOA YOTA**

*(Kèm theo Quyết định số 1976/QĐ-SYT ngày 26 tháng 8 năm 2026
của Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên)*

TT	STT theo TT 23/2024/ TT-BYT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
1	14352	16.37	16. RĂNG HÀM MẶT	Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại
2	14353	16.38	16. RĂNG HÀM MẶT	Liên kết cố định răng lung lay bằng dây cung kim loại và Composite
3	14354	16.39	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng cấp
4	14355	16.40	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng mạn
5	14356	16.41	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh răng
6	14357	16.42	16. RĂNG HÀM MẶT	Chích áp xe lợi
7	14358	16.43	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy cao răng
8	14365	16.50	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
9	14367	16.52	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay
10	14368	16.53	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay cầm tay
11	14369	16.54	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy
12	14371	16.56	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng MTA
13	14372	16.57	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi
14	14373	16.58	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng vĩnh viễn
15	14374	16.59	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA
16	14375	16.60	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng ngoài miệng (răng bị bật, nhỏ)
17	14376	16.61	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy lại
18	14377	16.62	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nội nha có cắt bỏ chân răng và một phần thân răng
19	14378	16.63	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nội nha - hàn ngược ống tủy
20	14381	16.67	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite
21	14382	16.68	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite
22	14383	16.70	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement

TT	STT theo TT 23/2024/ TT-BYT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
23	14384	16.71	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement
24	14385	16.72	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng Composite
25	14386	16.73	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng có sử dụng pin ngà
26	14389	16.76	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng bằng Inlay/Onlay
27	14390	16.77	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng có sử dụng chốt chân răng bằng các vật liệu khác nhau
28	14391	16.78	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer Composite trực tiếp
29	14392	16.79	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng tùy sống có sử dụng đèn Plasma
30	14394	16.81	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng nội tủy
31	14395	16.82	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng tùy sống bằng máng thuốc
32	14396	16.83	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt
33	14397	16.84	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)
34	14418	16.105	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp kim loại
35	14419	16.106	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim thường cần nhựa
36	14425	16.112	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu nhựa
37	14426	16.113	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim thường
38	14427	16.114	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại cần nhựa
39	14442	16.129	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường
40	14443	16.130	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường
41	14444	16.131	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo
42	14445	16.132	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo
43	14450	16.137	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo cầu răng giả
44	14451	16.138	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo chụp răng giả
45	14453	16.140	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp
46	14454	16.141	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp
47	14510	16.197	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ
48	14511	16.198	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng ngầm
49	14512	16.199	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên
50	14513	16.200	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới
51	14514	16.201	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân
52	14515	16.202	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân chia chân răng
53	14516	16.203	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn
54	14517	16.204	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay
55	14518	16.205	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng vĩnh viễn
56	14519	16.206	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng thừa
57	14525	16.212	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật cắt, nạo xương ổ răng
58	14526	16.213	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi xơ cho răng mọc
59	14527	16.214	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới
60	14528	16.215	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi di động để làm hàm giả
61	14529	16.216	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi

TT	STT theo TT 23/2024/ TT-BYT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
62	14534	16.221	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
63	14535	16.222	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Glasslonomer Cement quang trùng hợp
64	14536	16.223	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp
65	14537	16.224	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp
66	14538	16.225	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant
67	14539	16.226	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh bằng Glasslonomer Cement
68	14540	16.227	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàn răng không sang chân với Glasslonomer Cement
69	14541	16.228	16. RĂNG HÀM MẶT	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt
70	14543	16.230	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục
71	14544	16.231	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng sữa
72	14545	16.232	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng sữa
73	14546	16.233	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit
74	14547	16.234	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA
75	14548	16.236	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Glasslonomer Cement
76	14549	16.237	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn
77	14550	16.238	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng sữa
78	14551	16.239	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng sữa
79	14552	16.240	16. RĂNG HÀM MẶT	Chích Apxe lợi trẻ em
80	14553	16.241	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)
81	14652	16.340	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp
Tổng số: 81 danh mục kỹ thuật				